

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2019/HSST

Ngày: 07/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Ngọc Ba

2/ Ông Nguyễn Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Phan Văn C, sinh năm 1978 tại xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp M, xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q (Chết) và bà Lê Thị B; có vợ và 02 con, lớn 13 tuổi và nhỏ 05 tuổi; Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Trương Đức H, sinh năm 1974 tại xã Đ, huyện L1, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp N, xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Hữu T4 (Chết) và bà Nguyễn Thị S1; có vợ và 02 con đã trưởng thành; Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn C:** Ông Bùi Minh T- Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- **Bị hại:** Nguyễn Mai H1, sinh năm 1978. (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Đặng Hoàng P, sinh năm 1975. Là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L2 (Cha chị H1), bà Dương Thị N (Mẹ chị H1), Đặng Thị Mai A và Đặng Thị Mỹ C1(con chị H1). Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2019. Cùng địa chỉ ấp V, xã H2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Thạch Thị Kim L, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ ấp M, xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ ấp V1, xã H2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ ấp V, xã H2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trương Đức H là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành H tại ấp M, xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long. Năm 2015 bị cáo H nhận bị cáo Phan Văn C làm công nhân bốc vác tại cửa hàng. Năm 2016, bị cáo H mua xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx để chở vật liệu xây dựng giao cho khách hàng. Thấy bị cáo C điều khiển được xe mô tô ba bánh nên H giao xe cho C chở vật liệu xây dựng giao cho khách, tiền công mỗi chuyến từ 10.000đ đến 20.000đ. Khoảng 13 giờ ngày 17/10/2018 bị cáo C điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx chở vật liệu xây dựng giao cho bà Nguyễn Thị Hồng V2 ngụ ấp L3, xã V3, huyện T3. Sau khi chở ba chuyến vật liệu xây dựng giao cho bà V2, khoảng 14 giờ 15 phút, trên đường về từ hướng ấp L3, xã V3 về ấp T5, xã H2, trên tỉnh lộ 901 đoạn ngã ba V4 thuộc ấp V5, xã H2, bị cáo C thấy có một chiếc xe mô tô chở hai vỏ cam chạy ngược chiều phía trước, bị cáo C nghĩ xe chở cam sẽ rẽ về ấp V5, xã H2 nên bị cáo C điều khiển xe ba bánh sang lề trái hướng xe của bị cáo C. Cùng lúc xe mô tô biển số 64T1-68xx của chị Nguyễn Mai H1 điều khiển chở con gái phía sau là Đặng Thị Mỹ C1 ngược chiều chạy tới nên C thắng xe lại, xe của C lật lao về phía trước va chạm vào xe của chị H1. Tai nạn xảy ra làm cả ba người bị thương và được đưa đi cấp cứu, hai xe bị hư hỏng. Chị Nguyễn Mai H1 bị thương tích nặng được đưa đến tại Bệnh viện Quân y 121 thành phố Cần Thơ cấp cứu, ngày 21/10/2018 chị H1 tử vong.

Tại kết luận giám định pháp y tử thi số 82/2018/TTh ngày 25/10/2018 của Trung Tâm pháp y thuộc Sở y tế Vĩnh Long kết luận: Nguyên nhân tử vong của chị Nguyễn Mai H1 là do chấn thương sọ não/ Đa chấn thương.

Ngày 15/01/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phan Văn C về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại khoản 2, Điều 260 của Bộ luật hình sự và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 03/7/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Đức H về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại khoản 1, Điều 264 của Bộ luật hình sự và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 61L8-71xx.
- 01 mảnh nhựa màu xanh trắng, không rõ hình dạng, dài 05cm, nơi rộng nhất 03cm, có bắt 01 ốc vít xuyên ngang mảnh nhựa;
- 02 mảnh nhựa có màu xanh trắng, không rõ hình dạng, kích thước.
- 01 đoạn kim loại được mắc từ nhiều đoạn nhỏ, có chiều dài 44cm.
- Số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do Phan Văn C nộp.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSTÔ ngày 28/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Phan Văn C về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 260 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Trương Đức H về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 264 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trương Đức H khai nhận: Khi thấy bị cáo C điều khiển được xe mô tô ba bánh, ý thức chủ quan của bị cáo nghĩ chỉ giao vật liệu xây dựng khu vực nông thôn trong các đường nhỏ nên không hỏi và không kiểm tra C có Giấy phép lái xe hay không. Bị cáo giao xe mô tô ba bánh cho bị cáo C chạy để giao hàng cho khách. Bị cáo thống nhất nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố, bị cáo ăn năn về hành vi của mình, bị cáo đã bồi thường toàn bộ chi phí theo yêu cầu của gia đình người bị hại, bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phan Văn C khai nhận: Do cuộc sống gia đình nghèo khó, bị cáo không có điều kiện học và thi lái xe hai bánh. Khi bị cáo H mua xe mô tô ba bánh cho bị cáo chạy thử. Bị cáo chạy được xe nên bị cáo H giao xe cho bị cáo chạy từ năm 2016 đến nay. Bị cáo biết việc bị cáo không có Giấy phép lái xe và điều khiển xe gây tai nạn cho chị H1 là sai. Bị cáo có đưa cho bị cáo H để bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 28.000.000đ sau khi xảy ra tai nạn và 2.000.000đ nộp tại Cơ quan điều tra để

trả lại cho bị cáo H. Bị cáo thống nhất Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố và thống nhất đề nghị của Đại diện viện kiểm sát, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Đặng Hoàng P trình bày: Anh và gia đình đã nhận toàn bộ chi phí do bị cáo H giao cho gia đình anh nên anh có đơn xin bãi nại cho bị cáo H. Anh xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H và bị cáo C và không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Thạch Thị Kim L anh Nguyễn Thanh S không có yêu cầu độc lập.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công bố tại phiên tòa đề nghị: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị tuyên bố: Bị cáo Phan Văn C phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*"

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị tuyên bố: bị cáo Trương Đức H phạm tội "*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*"

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Đức H từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng các điều

Đề nghị tịch thu bán hóa giá sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 61L8-71xx do không điều tra được chủ sở hữu hợp pháp.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh nhựa màu xanh trắng, không rõ hình dạng, dài 05cm, nơi rộng nhất 03cm, có bắt 01 ốc vít xuyên ngang mảnh nhựa; 02 mảnh nhựa có màu xanh trắng, không rõ hình dạng, kích thước; 01 đoạn kim loại được mắc từ nhiều đoạn nhỏ, có chiều dài 44cm do không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Trương Đức H số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do Phan Văn C nộp để khắc phục hậu quả.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận xong. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người bào chữa cho bị cáo C thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt đối bị cáo C. Bị cáo C gây tai nạn cho bị hại cũng một phần lỗi của bị cáo H do bị cáo H giao nguồn nguy hiểm cao độ cho bị cáo C điều khiển mà không kiểm tra C có giấy phép lái xe hay không. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức thấp nhất khung hình phạt cho bị cáo C.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo C nói lời sau cùng: Gia đình bị cáo nghèo khổ, bị cáo phải lao động để lo cho vợ con. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Việc bị cáo giao xe cho bị cáo C điều khiển gây tai nạn làm chị H1 tử vong có phần lỗi của bị cáo, bị cáo xin lỗi gia đình anh P.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, người làm chứng, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định:

Bị cáo Trương Đức H là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành H nhận Phan Văn C vào làm thuê từ năm 2015. Năm 2016, bị cáo H mua xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx để chở vật liệu xây dựng. Bị cáo H giao xe cho C điều khiển chở vật liệu xây dựng giao cho khách. Đến khoảng 14 giờ 15 phút ngày 17/10/2018 bị cáo C điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx giao vật liệu xây dựng cho khách, trên đường về bị cáo chạy không đúng phần đường, thấy xe 64T1-68xx do chị Nguyễn Mai H1 điều khiển nên thắng gấp bị lật xe va chạm với xe chị H1. Hậu quả xảy ra, chị H1 bị chấn thương nặng và tử vong ngày 21/10/2018.

[2.1] Bị cáo Trương Đức H vì ý thức chủ quan, nghĩ xe chỉ chạy ở vùng nông thôn nên giao xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx cho bị cáo Phan Văn C điều khiển, không kiểm tra Giấy phép lái xe. Bị cáo biết rõ xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx là nguồn nguy hiểm cao độ nhưng lại giao cho bị cáo C điều khiển là người không đủ điều kiện điều khiển xe để chở vật liệu xây dựng giao cho khách. Hậu quả, bị cáo C điều khiển xe gây tai nạn làm chị Nguyễn Mai H1 tử vong.

Hành vi của bị cáo H là vi phạm điểm a, khoản 1, Điều 264 của Bộ luật hình sự. Tại điểm a, khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào giao xe cho người mà biết người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

a) Làm chết người;

...”

[2.2] Bị cáo Phan Văn C bản thân biết rõ không có Giấy phép lái xe nhưng vẫn điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx điều khiển tham gia giao thông trong thời gian dài. Bị cáo cho rằng do cuộc sống gia đình khó khăn nên không có điều kiện học thi lái xe nhưng bản thân cũng biết xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx là nguồn nguy hiểm cao độ. Hành vi của bị cáo C đã vi phạm Điều 260 của Bộ Luật hình sự. Điều 260 quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

...”

Như vậy, cho thấy Cáo trạng số 30/CT-VKSTÔ ngày 28/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Trương Đức H và bị cáo Phan Văn C là hoàn toàn có căn cứ.

[2.3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp vào những qui định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, gây ra cái chết đau thương cho gia đình người bị hại là chị Nguyễn Mai H1. Hành vi của các bị cáo có đầy đủ cơ sở để qui kết bị cáo Trương Đức H phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 264 Bộ luật hình sự và bị cáo Phan Văn C phạm vào tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ”, qui định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát

và người bào chữa cho bị cáo C tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trương Đức H có đủ điều kiện về kinh tế nên áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình đối với bị cáo thấy cũng đủ tính răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại. Đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại tại phiên tòa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H và bị cáo C; Bị cáo Phan Văn C là con trong gia đình thuộc diện hộ nghèo nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Bị cáo Trương Đức H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với từng bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa và trợ giúp viên trợ giúp pháp lý bào chữa cho bị cáo C, nhằm tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở người hữu dụng sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại anh Đặng Hoàng P đã nhận đủ số tiền do các bị cáo bồi thường và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về vật chứng:

[5.1] Các vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm: 01 mảnh nhựa màu xanh trắng, không rõ hình dạng, dài 05cm, nơi rộng nhất 03cm, có bắt 01 ốc vít xuyên ngang mảnh nhựa; 2 mảnh nhựa có màu xanh trắng, không rõ hình dạng, kích thước; 01 đoạn kim loại được mắc từ nhiều đoạn nhỏ, có chiều dài 44cm. Không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5.2] Đối với xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx bị cáo Trương Đức H khai đã mua lại của người khác. Cơ quan điều tra không điều tra được chủ sở hữu hợp pháp. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tịch thu bán hóa giá, sung quỹ Nhà nước, bị cáo Trương Đức H thống nhất ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn nên Hội đồng xét xử tịch thu, bán hóa giá sung quỹ Nhà nước đối với xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5.3] Số tiền 2.000.000đ bị cáo Phan Văn C đã nộp để khắc phục hậu hậu cho gia đình người bị hại nhưng bị cáo H đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại, Anh P đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại không có yêu cầu thêm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả số tiền 2.000.000đ cho bị cáo Trương Đức H và bị cáo H đề nghị được nhận lại số tiền do bị cáo C giao nộp là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 600 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm:

[6.1] Miễn án phí hình sơ sơ thẩm cho bị cáo Phan Văn C do thuộc diện hộ nghèo theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6.2] Buộc bị cáo Trương Đức H nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn C phạm tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*.

2. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 264 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Đức H phạm tội: *“Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”*

3. Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn C 02 (Hai) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt chấp hành án phạt tù.

4. Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 264; điểm b,i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Đức H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng:

5.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm: 01 mảnh nhựa màu xanh trắng, không rõ hình dạng, dài 05cm, nơi rộng nhất 03cm, có bắt 01 ốc vít xuyên ngang mảnh nhựa; 02 mảnh nhựa có màu xanh trắng, không rõ hình dạng, kích thước; 01 đoạn kim loại được mắc từ nhiều đoạn nhỏ, có chiều dài 44cm do không còn giá trị sử dụng.

5.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu bán hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô ba bánh biển số 61L8-71xx.

5.3. Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 600 của Bộ luật dân sự:

Trả lại cho bị cáo Trương Đức H số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do bị cáo Phan Văn C đã nộp để khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 0006118 ngày 27/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Tất cả vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/9/2019).

6. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Văn C do thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính Phủ.

Buộc bị cáo Trương Đức H nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga